TOÀ ÁN NHÂN DÂN
QUẬN K
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2018
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN K, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Sơn Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hoàng Thị Chính

2. Bà Bùi Thị Bình

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Mai Thị Thanh Huyền - Thư ký Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa***: Bà Trần Thị Thư - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 223/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 813/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 20 tháng 10 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên toà số 28/2018/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phạm Thị Mỹ D**, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

2. Bị đơn: Anh V**ũ Trọng P**, sinh năm 1984; địa chỉ: Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên toà.

NỘI D VỤ ÁN:

Về quan hệ hôn nhân: Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn, chị Phạm Thị Mỹ D trình bày: Chị và anh Vũ Trọng P có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2007 tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, trên cơ sở tự nguyện và có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán. Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay xét thấy, giữa hai vợ

chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, chị Phạm Thị Mỹ D đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vũ Trọng P.

Về nuôi con: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Vũ Trọng P có hai con chung là: Vũ Bảo K, sinh ngày 26/10/2007; Vũ Bảo N, sinh ngày 27/02/2012, chị Phạm Thị Mỹ D nhận nuôi các con và không yêu cầu anh Vũ Trọng P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình Toà án giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân quận K tống đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Vũ Trọng P không hợp tác, không đến Toà án làm việc, không tham gia các phiên hoà giải, không có văn bản thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận K phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án cơ bản thực hiện đúng trình tự tố tụng, nguyên đơn đã tuân theo đúy quy định của pháp luật, bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng, vi phạm quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn xử cho chị Phạm Thị Mỹ D được ly hôn anh Vũ Trọng P. Về con chung: Giao con chung là Vũ Bảo K, sinh ngày 26/10/2007; Vũ Bảo N, sinh ngày 27/02/2012 cho chị Phạm Thị Mỹ D nuôi dưỡng đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Vũ Trọng P hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thẩm quyền: Bị đơn anh Vũ Trọng P, cư trú tại: Tổ 1, phường T, quận K, thành phố Hải Phòng, vì vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận K, thành phố Hải Phòng theo khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

2. Về tố tụng: Tòa án nhân dân quận K đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, Quyết định đưa vụ án ra xét xử song bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do lần thứ hai.

Toà án nhân dân quận K nhận được đơn đề nghị xin xét xử vắng mặt của nguyên đơn chị Phạm Thị Mỹ D xin xét xử vắng mặt vì lý do công việc nên không thể đến phiên toà được.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn.

3. Về quan hệ pháp luật: Chị Phạm Thị Mỹ D và anh Vũ Trọng P có đăng ký kết hôn ngày 06/6/2007 tại Uỷ ban nhân dân phường T, quận K, thành phố Hải Phòng (theo giấy chứng nhận kết hôn số 18 quyển số 01/2007 ngày 06 tháng 6 năm 2007), trên cơ sở tự nguyện. Vì vậy, hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 8, khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

3.1. Về hôn nhân: Quá trình chung sống, thời gian đầu hạnh phúc, sau đó thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, lối sống, tính cách không hợp nhau, gia đình hai bên đã khuyên giải nhiều lần nhưng không có kết quả; giữa hai vợ chồng không còn tiếng nói chung, tình cảm ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn vợ chồng đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận đề nghị của nguyên đơn xin ly hôn bị đơn là phù hợp pháp luật.

3.2. Về nuôi con: Nguyên đơn và bị đơn có có hai con chung là: Vũ Bảo K, sinh ngày 26/10/2007; Vũ Bảo N, sinh ngày 27/02/2012, cháu Vũ Bảo K có đơn đề nghị thể hiện nguyện vọng muốn ở với mẹ, hiện các cháu đều đang ở với mẹ và được chăm sóc tốt, phát triển bình thường, nguyên đơn cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, bị đơn không có ý kiến gì về việc nuôi con chung. Căn cứ vào Điều 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận giao hai con chung cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung, Hội đồng xét xử quyết định tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn anh Vũ Trọng P hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3.3. Về tài sản chung: Nguyên đơn không yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết.

Do bị đơn không có bản tự khai, nên không thể hiện gì về các quan hệ như hôn nhân, con chung và tài sản chung nên Hội đồng xét xử không có cơ sở để xem xét.

4. Về án phí: Nguyên đơn phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56; các Điều 81; 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Phạm Thị Mỹ D và anh Vũ Trọng P.

2. Về nuôi con: Giao con chung Vũ Bảo K, sinh ngày 26/10/2007; Vũ Bảo N, sinh ngày 27/02/2012cho chị Phạm Thị Mỹ D trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với bị đơn anh Vũ Trọng P hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về chia tài sản: Chị Phạm Thị Mỹ D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Phạm Thị Mỹ D phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003494 ngày 20/10/2017, tại Chi cục Thi hành án dân sự quận K, thành phố Hải Phòng, nguyên đơn đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TANDTP Hải Phòng;
- VKSND quận K;
- Chi cục THADS quận K;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Sơn Thị Nhân